

Số: 06/KH-THCSKB

Quận 8, ngày 08 tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH THU- CHI**  
**Các khoản thu năm học 2025-2026**

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định 111/2025NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 60/2021/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết 18/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các khoản thu, cơ chế thu chi đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1619/SGDĐT-KHTC ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn lựa chọn nội dung trong chương trình của nhà trường từ năm học 2025-2026 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 1888/SGDĐT -KHTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác, thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện hiệu quả nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 5542/BGDĐT-KHTC ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện chính sách học phí; miễn, giảm, hỗ trợ học phí và các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Hướng dẫn số 2174/SGDĐT-GDPT ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Thông báo số 2388/TB-SGDĐT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của của Sở Giáo dục và Đào tạo về Kết luận của Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo

Nguyễn Thị Nhật Hằng tại Hội nghị triển khai về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm, hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2025-2026 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2512/SGDDĐT-KHTC ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác quản lý các khoản thu, chi trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và công tác vận động tài trợ cho giáo dục năm học 2025-2026 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị Quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Công văn số 489/VHXXH ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Phòng Văn hoá xã hội Phường Chánh Hưng về việc kiểm tra chuyên đề tình hình công tác quản lý thu, chi đầu năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 1161/UBND-VHXXH ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Phường Chánh Hưng về việc chấp thuận các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, các khoản hu dịch vụ khác của cơ sở giáo dục công lập năm học 2025-2026;

- Căn cứ kế hoạch năm học 2025-2026 của Trường Trung học cơ sở Khánh Bình

- Căn cứ vào dự toán các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026 của Trường Trung học cơ sở Khánh Bình;

Trường Trung học cơ sở Khánh Bình xây dựng kế hoạch thu - chi các khoản thu năm học 2025-2026 như sau:

### **I. Mức thu học phí: Không thu**

Các trường học miễn giảm cho các học sinh theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

- Căn cứ Nghị Quyết số 41/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Quy định mức hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông thuộc các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2025 – 2026;

**II. Các khoản thu phục vụ tổ chức cho các hoạt động giáo dục khác: Thu theo tháng học thực tế .**

Số T T	Nội dung thu	Mức thu theo khung quy định	Khoản thu phục vụ hoạt động giáo dục	Tổng thu	Nội dung chi
01	Tiền tổ chức chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học	550.000 đồng/học sinh/tháng	550.000 đồng/học sinh/tháng. Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026	100 hs x 550.000đ x 8.5 tháng = 467.500.000 đồng	<p>-2% nộp thuế TNDN: 9.350.000 đồng. Số còn lại phân bổ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 85%: 397.375.000 đồng chi trả cho cơ sở giảng dạy theo hợp đồng.</li> <li>- 6%: 28.050.000 đồng dùng chi công tác quản lý, bộ phận thu-chi. Mức chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ</li> <li>- 7%: 32.725.000 đồng dùng hỗ trợ hoạt động: tiền công lao động HĐ, điện, nước, vật tư văn phòng, văn phòng phẩm, mua sắm, sửa chữa, chi phí chuyên môn nghiệp vụ, chi khác...</li> </ul>
02	Tiền tổ chức dạy Tăng cường môn Ngoại ngữ, (học sinh/tháng)	90.000 đồng/học sinh/tháng	90.000 đồng/học sinh/tháng. Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026	160hs x 90.000đ x 8.5 tháng = 114.750.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2% nộp thuế TNDN: 2.295.000 đồng. Số còn lại phân bổ:</li> <li>- 65%: 73.095.750 đồng chi thù lao trực tiếp giảng dạy và phục vụ giảng dạy, giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm công tác khác, trả tiền công lao động hợp đồng, thỉnh giảng. Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: 80.000 đồng/tiết.</li> <li>- 15%: 16.868.250 đồng dùng chi công tác quản lý, bộ phận thu-chi. Mức chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ</li> <li>- 20%: 22.491.000 đồng dùng hỗ trợ hoạt động: tiền công lao động HĐ, điện, nước, vật tư văn phòng, văn phòng phẩm, mua sắm, sửa chữa, chi phí chuyên môn nghiệp vụ, chi khác...</li> </ul>

Số T T	Nội dung thu	Mức thu theo khung quy định	Khoản thu phục vụ hoạt động giáo dục	Tổng thu	Nội dung chi
03	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống (học sinh/ tháng)	80.000 đồng/học sinh/tháng	80.000 đ/học sinh/tháng (Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026)	1100 hs x 80.000đ x 8,5tháng = 748.000.000 đồng	- 2% nộp thuế TNDN: 14.960.000 đồng. Số còn lại phân bổ: - 88%: 658.240.000 đồng chi trả cho cơ sở giảng dạy theo hợp đồng. - 5%: 37.400.000 đồng dùng chi công tác quản lý, bộ phận thu-chi, hỗ trợ bộ phận gián tiếp -5%: 37.400.000 đồng, điện, nước, văn phòng phẩm và chi phí nghiệp vụ chuyên môn, chi khác...
04	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài, (học sinh/ tháng)	200.000 đồng/học sinh/tháng	200.000 đ/học sinh/tháng (Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026)	1000 hs x 200.000đ x 9 tháng = 1.800.000.000 đồng	- 2% nộp thuế TNDN: 36.000.000 đồng. Số còn lại phân bổ: - 85%: 1.530.000.000 đồng chi trả cho cơ sở giảng dạy theo hợp đồng. - 13%: 234.000.000 đồng dùng chi công tác quản lý, tiền công lao động hợp đồng, bộ phận thu-chi, hỗ trợ bộ phận gián tiếp, điện, nước, văn phòng phẩm và chi phí nghiệp vụ chuyên môn, chi khác...
05	Tiền tổ chức Giáo dục STEM (học sinh/ tháng)	90.000 đồng/học sinh/tháng	90.000 đ/học sinh/tháng (Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026)	1100 hs x 90.000đ x 8,5tháng = 748.000.000 đồng	2% nộp thuế TNDN: 14.960.000 đồng. Số còn lại phân bổ: - 88%: 658.240.000 đồng chi trả cho cơ sở giảng dạy theo hợp đồng. - 5%: 37.400.000 đồng dùng chi công tác quản lý, bộ phận thu-chi, hỗ trợ bộ phận gián tiếp -5%: 37.400.000 đồng, điện, nước, văn phòng phẩm và chi phí nghiệp vụ chuyên môn, chi khác...
06	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi(đồng/h	35.000 đồng/học sinh/tháng/C LB	35.000 đ/học sinh/tháng/ CLB (Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026)	((350hs x 35.000đ + 800hs x 35.000đ x2)) x 8,5 tháng = 580.125.000 đồng	- 2% nộp thuế TNDN: 2.295.000 đồng. Số còn lại phân bổ: - 65%: 73.095.750 đồng chi thù lao trực tiếp giảng dạy và phục vụ giảng dạy, giáo viên, nhân viên kiêm nhiệm công tác khác, trả tiền công lao động hợp đồng,

Số T T	Nội dung thu	Mức thu theo khung quy định	Khoản thu phục vụ hoạt động giáo dục	Tổng thu	Nội dung chi
	ọc sinh/tháng)				<p>thình giảng. Chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy: 80.000 đồng/tiết.</p> <p>- <b>15%:</b> 85.278.375 đồng dùng chi công tác quản lý, bộ phận thu-chi. Mức chi theo Quy chế chi tiêu nội bộ</p> <p>- <b>20%:</b> 113.704.500 đồng dùng hỗ trợ hoạt động: tiền công lao động HĐ, điện, nước, vật tư văn phòng, văn phòng phẩm, mua sắm, sửa chữa, chi phí chuyên môn nghiệp vụ, chi khác...</p>
07	Tiền tổ chức các lớp học Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030	180.000 đồng/học sinh/tháng	90.000 đ/học sinh/tháng (Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026)	320hs x 90.000đ x 8,5tháng = 244.800.000 đồng	<p>- <b>2%</b> nộp thuế TNDN: 4.896.000 đồng. Số còn lại phân bổ:</p> <p>- <b>85%:</b> 208.080.000 đồng chi trả cho cơ sở giảng dạy theo hợp đồng.</p> <p>- <b>6%:</b> 14.688.000 đồng dùng chi công tác quản lý, bộ phận thu-chi, hỗ trợ bộ phận gián tiếp</p> <p>-<b>7%:</b> 17.136.000 đồng, điện, nước, văn phòng phẩm và chi phí nghiệp vụ chuyên môn, chi khác...</p>

### III.Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục: Thu theo tháng học thực tế.

Số T T	Nội dung thu	Mức thu theo khung quy định	Khoản thu phục vụ hoạt động	Tổng thu	Nội dung chi
--------	--------------	-----------------------------	-----------------------------	----------	--------------

			giáo dục		
01	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú (học sinh/tháng)	180.000 đồng/học sinh/tháng (không tổ chức bếp ăn)	180.000 đồng/học sinh/tháng (Từ tháng 9/2025 đến tháng 5/2026)	570 hs x 180.000đ x 8,5 tháng = 872.100.000 đồng	- 2% nộp thuế TNDN: 17.442.000 đồng. Số còn lại phân bổ: -Vệ sinh: 145.350.000 đồng chi mua đồ dùng vệ sinh phẩm, trả lương cho nhân viên dọn dẹp, dịch vụ vệ sinh... <b>80% ( Sau khi trừ 2% thuế):</b> 567.446.400 đồng dùng chi công tác trực tiếp (bào mẫu phục vụ ăn, ngủ, điễm danh, quản lý sổ ăn, quét dọn phòng ngủ, thay drap giường, lau chùi dọn dẹp phòng ăn), chi bộ phận quản lý, gián tiếp. Định mức chi theo công việc được phân công. - 20%: 141.861.600 đồng dùng hỗ trợ hoạt động: tiền công lao động HĐ, điện, nước, vật tư văn phòng, văn phòng phẩm, mua sắm, sửa chữa, chi phí chuyên môn nghiệp vụ, chi khác...
02	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số.	110.000 đồng/học sinh/tháng	35.000 đồng/học sinh/tháng	1100 hs x 35.000đ x 9 tháng = 346.500.000 đồng	- 2% nộp thuế TNDN: 6.930.000 đồng - Thanh toán tiền thuê, phí duy trì, số liên lạc điện tử, thư viện điện tử, học bạ điện tử cho Công ty cung cấp: 339.570.000 đồng
03	Tiền nước uống	10.000 – 20.000 đồng/học sinh/tháng	10.000 đồng/học sinh/tháng	1100hs x 10.000 x 8,5 tháng = 93.500.000 đồng	- 2% nộp thuế TNDN: 1.870.000 đồng - Thanh toán tiền nước uống cho công ty cung cấp: 91.630.000 đồng
04	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh	95.000 đồng/học sinh/tháng	- 20.000đ/hs/t háng đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh 80.000đ/hs/t háng đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh phải đi thuê	250hs x 20.000 x 8,5 tháng = 42.500.000 đồng 850 x 80.000x8,5 tháng = 578.000.000 đồng	-2% Thuế TNDN: 12.410.000 đồng - Thanh toán tiền thuê máy lạnh cho đơn vị cung cấp, tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh: 608.090.000 đồng

#### IV. Các khoản thu cho cá nhân học sinh:

STT	Khoản thu	Diễn giải	Tổng thu	Nội dung chi
01	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú, (học sinh/năm)	200.000 đồng/năm học	200.000 đồng/học sinh/năm học	570 x 200.000 đồng = 114.000.000 đồng
02	Tiền BHYT học sinh	Số tháng học sinh tham gia/thời hạn sử dụng của Thẻ BHYT: 12 tháng: 631.800 đồng/học sinh 06 tháng: 315.900 đồng/học sinh 03 tháng: 157.950 đồng/học sinh		Nộp 100% về Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Quận 8
03	Tiền suất ăn bán trú	35.000 đồng/học sinh/ngày	570 học sinh x 35.000 đồng x 22 ngày	Chi trả 100% cho đơn vị cung cấp

#### IV. PHƯƠNG THỨC THU- NƠI THU

- Các khoản thu trọn năm được thu ngay từ đầu năm học.
- Các khoản thu hàng tháng được tổ chức thu trong vòng 15 ngày đầu tháng, theo số tháng thực học.
- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện chủ trương thanh toán không dùng tiền mặt, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát của các cơ quan quản lý đối với các khoản thu của đơn vị giáo dục, minh bạch hóa các hoạt động thanh toán trong ngành giáo dục và đào tạo, nhà trường **thực hiện thu các khoản thu bằng hình thức chuyển khoản** theo nội dung như sau:

Để xem thông báo và thanh toán, phụ huynh vào app vinaID -> Quét mã QR có trên phiếu hoặc nhập **chính xác từng con số** của **số tài khoản, số tiền** có trên phiếu. Mỗi học sinh có một tài khoản định danh khác nhau, không dùng phiếu thu của học sinh khác để chuyển.

\* **Lưu ý:** Phụ huynh **thanh toán đúng số tiền theo thông báo thu**, không đóng thừa hoặc thiếu.

Ngoài phiếu thông báo thu bằng giấy do trường phát, phụ huynh có thể chủ động xem thông báo thu trên app VinaID từ ngày 1 đến ngày 10 hàng tháng.

- Bộ phận thu tiền xuất biên lai C45-BB, hóa đơn bán hàng theo từng ngày.

Trên đây là kế hoạch thu, chi các khoản thu năm học 2025-2026 của Trường THCS Khánh Bình. Kế hoạch này được triển khai đến toàn thể giáo viên, nhân viên của Trường để biết, thực hiện./.

***Nơi nhận***

- Dán bảng thông báo;
- Phòng KT-HT-ĐT (để báo cáo);
- Phòng VH-XH (để báo cáo);
- Lưu: VT, KT.

**HIỆU TRƯỞNG**



*Thanh Tâm*  
**Nguyễn Thị Thanh Tâm**

**DỰ TOÁN**  
**Thu chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục**  
**Năm học 2025-2026**

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	SỐ TIỀN THU	SỐ TIỀN CHI	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>Các khoản thu phục vụ hoạt động GD ngoài giờ học chính khóa</b>		<b>10.743.725.000</b>	<b>10.743.725.000</b>	
	<b>Số học sinh</b>	<b>1.212</b>			
	+ Khối 6	340			
	+ Khối 7	329			
	+ Khối 8	301			
	+ Khối 9	242			
	Dự kiến số học sinh hộ nghèo, cận nghèo, mồ côi, học sinh có hoàn cảnh khó khăn; 50 hs				
<b>II</b>	<b>Dự toán chi đối với hoạt động của trường công lập:</b>	<b>4.796.675.000</b>	<b>4.696.675.000</b>	<b>4.696.675.000</b>	
<b>1</b>	Tiền tổ chức dạy các lớp năng khiếu, nghệ thuật, thể dục tự chọn, câu lạc bộ, học bơi (đồng/học sinh/tháng) CLB Cầu lông: 350 HS CLB Võ tự vệ: 800 HS	<b>580.125.000</b>	<b>580.125.000</b>	<b>580.125.000</b>	
*	<i>Dự toán thu: 140.000 đ/hs/tháng ( 35.000đ/4 tiết/môn)</i>	580.125.000	<b>580.125.000</b>		
	Ước thu 1 năm: 35.000 x 2 x 800 x 8,5 tháng 35.000 x 350 x 8,5 tháng	580.125.000	580.125.000		
*	<b>Dự toán chi</b>	-		<b>580.125.000</b>	
	2% chi thuế TNDN	-		11.602.500	
	65% chi cho GV trực tiếp giảng dạy	-		369.539.625	
	20% chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)	-		113.704.500	
	15% chi công tác quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động sự nghiệp, công tác vận động thu tiền	-		85.278.375	
<b>2</b>	<b>Tiền tổ chức dạy tăng cường Ngoại ngữ (Tiếng Anh tăng cường):</b>	<b>114.750.000</b>	<b>114.750.000</b>	<b>114.750.000</b>	
*	<i>Dự toán thu: 90.000 đ/hs/tháng</i>	114.750.000	<b>114.750.000</b>		
	Ước thu 1 năm: 90.000 x 150 x 8,5 tháng	114.750.000	114.750.000		
*	<b>Dự toán chi</b>	-		<b>114.750.000</b>	
	2% chi thuế TNDN	-		2.295.000	
	65% chi cho GV trực tiếp giảng dạy	-		73.095.750	
	20% chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)	-		22.491.000	
	15% chi công tác quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động sự nghiệp, công tác vận động thu tiền	-		16.868.250	
<b>3</b>	<b>Tiền tổ chức dạy kỹ năng sống -Lớp 6+7+8+9</b>	<b>748.000.000</b>	<b>748.000.000</b>	<b>748.000.000</b>	
*	<i>Dự toán thu: 80.000 đ/hs/tháng</i>	748.000.000	<b>748.000.000</b>		
	Ước thu 1 năm: 80.000 x 1100 x 8,5 tháng	748.000.000	748.000.000		
*	<b>Dự toán chi</b>	-		<b>748.000.000</b>	
	Chi cho đơn vị giảng dạy 88%	-		658.240.000	
	5% Chi công tác quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động sự nghiệp	-		37.400.000	
	5% Còn lại chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)	-		37.400.000	
	2% chi thuế TNDN	-		14.960.000	

STT	NỘI DUNG	ĐỢI TOÁN	SỐ TIỀN THU	SỐ TIỀN CHI	GHI CHÚ
4	<b>Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (Tiếng Anh bản ngữ)</b>	<b>1.800.000.000</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>1.700.000.000</b>	
	<i>Dự toán thu: 200.000 đ/hs/tháng</i>	1.800.000.000	1.700.000.000		
	Ước thu 1 năm: 200.000 x 1000 x 8,5 tháng	1.800.000.000	1.700.000.000		
	<b><i>Dự toán chi</i></b>			<b>1.700.000.000</b>	
	85% chi tiền giảng dạy công ty			1.445.000.000	
	7% chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)			119.000.000	
	2% chi thuế TNDN			34.000.000	
	6% chi công tác quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động sự nghiệp, công tác vận động thu tiền			102.000.000	
5	<b>Tiền tổ chức Chương trình học ngoại ngữ thông qua môn Toán và Khoa học</b>	<b>467.500.000</b>	<b>467.500.000</b>	<b>467.500.000</b>	
	<i>Dự toán thu: 550.000 đ/hs/tháng</i>	467.500.000	467.500.000		
	Ước thu 1 năm: 550.000 x 100 x 8,5 tháng	467.500.000	467.500.000		
	<b><i>Dự toán chi</i></b>			<b>467.500.000</b>	
	85% chi tiền giảng dạy công ty			397.375.000	
	7% chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)			32.725.000	
	2% chi thuế TNDN			9.350.000	
	6% chi công tác quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động sự nghiệp, công tác vận động thu tiền			28.050.000	
6	<b>Tiền tổ chức Giáo dục STEM</b>	<b>841.500.000</b>	<b>841.500.000</b>	<b>841.500.000</b>	
*	<i>Dự toán thu: 90.000 đ/hs/tháng</i>	841.500.000	<b>841.500.000</b>		
	Ước thu 1 năm: 90.000 x 1100 x 8,5 tháng	841.500.000	841.500.000		
*	<b><i>Dự toán chi</i></b>	-		<b>841.500.000</b>	
	Chi cho đơn vị giảng dạy 88%	-		740.520.000	
	5% Chi công tác quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động sự nghiệp	-		42.075.000	
	5% Còn lại chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)	-		42.075.000	
	2% chi thuế TNDN	-		16.830.000	
7	<b>Tiền tổ chức các lớp học Đề án "Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030"</b>	<b>244.800.000</b>	<b>244.800.000</b>	<b>244.800.000</b>	
	<i>Dự toán thu: 90.000 đ/hs/tháng</i>	244.800.000	<b>244.800.000</b>		
	Ước thu 1 năm: 90.000 x 320 x 8,5 tháng	244.800.000	244.800.000		
	<b><i>Dự toán chi</i></b>	-		<b>244.800.000</b>	
	Chi cho đơn vị giảng dạy 85%	-		208.080.000	
	6% Chi công tác quản lý nguồn thu, quản lý hoạt động sự nghiệp	-		14.688.000	
	7% Còn lại chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)	-		17.136.000	
	2% chi thuế TNDN	-		4.896.000	
<b>II</b>	<b>Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú</b>	<b>994.100.000</b>	<b>994.100.000</b>	<b>994.100.000</b>	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	SỐ TIỀN THU	SỐ TIỀN CHI	GHI CHÚ
8	<b>Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú</b>	872.100.000	872.100.000	872.100.000	
*	<i>Dự toán thu: 180.000 đ/hs/tháng</i>	872.100.000	872.100.000		
	Ước thu 1 năm: 180.000 x 570 x 8,5 tháng	872.100.000	872.100.000		
*	<i>Dự toán chi</i>	-		872.100.000	
	Vệ sinh bán trú (30.000 x 570 x 8,5): chi mua đồ dùng vệ sinh bán trú, chi trả dịch vụ vệ sinh			145.350.000	
	80% chi công tác quản lý, phục vụ bán trú. (Sau trừ thuế 2%)	-		567.446.400	
	20% chi hỗ trợ hoạt động sự nghiệp (Chi điện, nước, VPP, internet, mua sắm, sửa chữa, các khoản chi khác và chi hỗ trợ...)	-		141.861.600	
	2% chi thuế TNDN	-		17.442.000	
9	<b>Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú</b>	122.000.000	122.000.000	122.000.000	
*	<i>Dự toán thu: 200.000 đ/hs/năm học</i>	122.000.000	122.000.000		
	Ước thu 1 năm: 200.000 x 610 hs	122.000.000	122.000.000		
*	<i>Dự toán chi</i>	-		122.000.000	
	Trang bị đồ dùng cho học sinh từ dụng bàn chải, kệ dép, gối, chiếu, bàn ghế và đồ dùng bán trú....	-		119.560.000	
	2% chi thuế TNDN	-		2.440.000	
III	<b>Các khoản thu hỗ trợ cho cá nhân học sinh</b>	5.052.950.000	5.052.950.000	5.052.950.000	
10	<b>Tiền suất ăn bán trú</b>	3.992.450.000	3.992.450.000	3.992.450.000	
*	<i>Dự toán thu: 35.000đ/ngày/học sinh</i>	3.992.450.000	3.992.450.000		
	Ước thu 1 năm: 35.000 x 22 ngày x 610 x 8,5 tháng	3.992.450.000	3.992.450.000		
*	<i>Dự toán chi</i>	-		3.992.450.000	
	Thanh toán tiền suất ăn cho đơn vị cung cấp	-		3.992.450.000	
11	<b>Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số</b>	346.500.000	346.500.000	346.500.000	
*	<i>Dự toán thu:</i> - Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (bao gồm số liên lạc điện tử, dịch vụ thẻ điểm danh điện tử, thư viện điện tử, chuyển đổi số LMS, học bạ điện tử):	346.500.000	346.500.000		
	Ước thu 1 năm: 35.000 x 1100 x 9 tháng	346.500.000	346.500.000		
*	<i>Dự toán chi</i>	-		346.500.000	
	Thanh toán tiền thẻ, phí duy trì, số liên lạc điện tử, thư viện điện tử, học bạ điện tử	-		339.570.000	
	2% chi thuế TNDN	-		6.930.000	
12	<b>Tiền nước uống</b>	93.500.000	93.500.000	93.500.000	
	<i>Dự toán thu: 10.000đ/tháng/học sinh</i>	93.500.000	93.500.000		
	Ước thu 1 năm: 1100 x 10.000đ x 8,5 tháng	93.500.000	93.500.000		
*	<i>Dự toán chi</i>			93.500.000	
	Thanh toán tiền nước uống cho đơn vị cung cấp			91.630.000	
	2% chi thuế TNDN	-		1.870.000	
13	<b>Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)</b>				
	13.1 Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh: 20.000đ/HS/Tháng (250HS)	620.500.000	620.500.000	620.500.000	
	13.2 Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê: 80.000đ/HS/Tháng (850HS)				
	<i>Dự toán thu: 60.000đ/tháng/học sinh</i>	620.500.000	620.500.000		
	Ước thu 1 năm: ((250 x 20.000đ) + (850 x 80.000đ)) x 8,5 tháng	620.500.000	620.500.000		
*	<i>Dự toán chi</i>			620.500.000	
	Thanh toán tiền thuê máy lạnh cho đơn vị cung cấp, tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh			608.090.000	

STT	NỘI DUNG	ĐỊ TOÁN	SỐ TIỀN THU	SỐ TIỀN CHI	GHI CHÚ
	2% chi thuế TNDN	-		12.410.000	

Người lập biểu



Lu Nguyễn Hồng Phương

Ngày 08 tháng 10 năm 2025

Hiệu Trưởng



Nguyễn Thị Thanh Tâm